

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao; chế độ dinh dưỡng đặc thù cho các đối tượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác đang tập trung tập huấn, thi đấu của tỉnh An Giang; mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao do tỉnh An Giang tổ chức

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3642/SVHTT-QLTDTT ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Sở Văn hóa và Thể thao về việc đề nghị thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao; chế độ dinh dưỡng đặc thù cho các đối tượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác đang tập trung tập huấn, thi đấu của tỉnh An Giang; mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao do tỉnh An Giang tổ chức. Qua nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THÔNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao, theo đó, ngày 03 tháng 08 năm 2016, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành **Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND** quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh An Giang; ngày 29 tháng 12 năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành **Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND** quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao, theo đó, ngày 19 tháng 8 năm 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành **Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND** quy định nội dung và mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh An Giang; ngày 06 tháng 10 năm 2021 Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành **Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND¹** quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12 tháng 06 năm 2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó “23. Sắp

¹ Nghị quyết này bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao

xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Sau khi sắp xếp, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km², quy mô dân số là 4.952.238 người.”.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo đó, ngày 01 tháng 7 năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết số 14/NQ-HĐND về việc áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao. Theo đó, **Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND; Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 12/2009/NQ-HĐND** ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành chính sách ưu đãi đối với vận động viên thể thao đạt thành tích cao tỉnh An Giang tiếp tục được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang (mới) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ ban hành quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu quy định:

“Điều 21. Tổ chức thực hiện

2. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Triển khai thực hiện Nghị định này và ban hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.”

Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao quy định:

“Điều 6. Tổ chức thực hiện

2. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, trên cơ sở tham khảo các mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chế độ dinh dưỡng đặc thù cho các đối tượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác đang tập trung tập huấn, thi đấu của địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.”

Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam quy định:

“Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định các mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức để thực hiện cho phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tình hình thực tế và tính chất của từng giải.”

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”

Căn cứ quy định trên, cơ quan soạn thảo tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao; chế độ dinh dưỡng đặc thù cho các đối tượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác đang tập trung tập huấn, thi đấu của tỉnh An Giang; mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao do tỉnh An Giang tổ chức (thay thế Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND; Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 12/2009/NQ-HĐND) là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao; chế độ dinh dưỡng đặc thù cho các đối tượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác đang tập trung tập huấn, thi đấu của tỉnh An Giang; mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao do tỉnh An Giang tổ chức theo khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn và thi đấu; khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thành viên đội thể thao gồm: Huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế đội thể thao thành tích cao của tỉnh; Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh; Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao cấp xã; Huấn luyện viên, vận động viên tham gia thi đấu giải thể thao cấp xã.

b) Thành viên tổ chức giải gồm: Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao, Ngày hội, Hội khỏe Phù Đổng; Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu; Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý các giải thi đấu; thư ký trọng tài; điều phối viên môn bóng đá, futsal; Vận động viên, huấn luyện viên; người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ; công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác được xác định trong kế hoạch thi đấu.

III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Đối với nội dung căn cứ ban hành

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “Nghị định” thành “Thông tư” tại căn cứ ban hành thứ 5.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung từ “Bộ trưởng” vào căn cứ ban hành thứ 5 và căn cứ ban hành thứ 8 nhằm đúng tên cơ quan ban hành Thông tư.

2. Đối với nội dung đoạn phía dưới căn cứ ban hành

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo không viết hoa từ “Quy” do từ này không phải là danh từ riêng của tên văn bản.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung “số...2026” nhằm đúng theo Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

3. Đối với nội dung Điều 1

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh vị trí nội dung “Chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi... tổ chức” thành “Nghị quyết này quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ...tổ chức theo khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn và thi đấu; khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.”

4. Đối với nội dung tại Điều 2

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ nội hàm của thuật ngữ “Ngày hội” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đồng thời xác định cụ thể đây là loại hình ngày hội nào nhằm bảo đảm thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện và tránh cách hiểu, áp dụng khác nhau.

b) Đối với nội dung tại khoản 3, Sở Tư pháp nhận thấy nội dung này là “tổ chức thực hiện” do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh phù hợp.

5. Đối với nội dung Điều 3

a) Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

2. *Đội thể thao thành tích cao của tỉnh là huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế được triệu tập để tham gia thi đấu các giải thể thao thành tích cao theo quy định của Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14, gồm:*

a) *Đội tuyển tỉnh: Là đội tuyển gồm các vận động viên đại diện cho tỉnh tham gia thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao cấp quốc gia.*

b) *Đội tuyển trẻ tỉnh: Là đội tuyển gồm các vận động viên có năng khiếu thể thao được đào tạo tập trung, đã tham gia thi đấu các giải trẻ trong hệ thống thi đấu thành tích cao cấp quốc gia.*

c) *Đội tuyển năng khiếu tỉnh: Là đội tuyển gồm các vận động viên có năng khiếu thể thao được triệu tập và đào tạo tập trung để chuẩn bị tham gia thi đấu các giải trẻ, giải nhóm tuổi trẻ trong hệ thống thi đấu thành tích cao cấp quốc gia.”*

Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

Thứ nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bảo đảm tính thống nhất của dự thảo. Theo khoản 2, đội thể thao thành tích cao của tỉnh bao gồm huấn luyện viên, vận động viên và nhân viên y tế; tuy nhiên, tại các điểm a, b và c chỉ quy định thành phần đội tuyển gồm các vận động viên. Đề nghị làm rõ vị trí, vai trò của huấn luyện viên và nhân viên y tế trong các đội tuyển hoặc điều chỉnh quy định để bảo đảm thống nhất.

Thứ hai, thống nhất cách sử dụng thuật ngữ “đội tuyển...” và “thành viên đội tuyển...”, tránh gây cách hiểu không thống nhất trong quá trình áp dụng.

Thứ ba, đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh nội dung này như sau:

“2. *Đội thể thao thành tích cao của tỉnh là đội thể thao gồm huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế được cơ quan có thẩm quyền triệu tập để tập trung tập huấn, thi đấu các giải thể thao thành tích cao theo quy định của Luật Thể dục, thể thao, bao gồm: đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh và đội tuyển năng khiếu tỉnh.*

a)...

b)....

c)...”

b) Khoản 3 và khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

3. *Đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh là huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển của tỉnh tập huấn, thi đấu tại các Hội thi thể thao toàn quốc, giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc, giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên toàn quốc và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền.*

4. *Đội tuyển thể thao cấp xã là huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển của các xã, phường, đặc khu, cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia thi đấu tại Đại hội Thể dục thể thao tỉnh An Giang, các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao do các sở, ban, ngành, liên đoàn, hội thể thao cấp tỉnh tổ chức hoặc đăng cai tổ chức (gọi chung là giải thi đấu thể thao cấp tỉnh).”*

Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

Thứ nhất, theo khoản 2 Điều 3, đội thể thao thành tích cao của tỉnh bao gồm huấn luyện viên, vận động viên và nhân viên y tế, đồng thời được phân thành đội tuyển, đội tuyển trẻ và đội tuyển năng khiếu. Tuy nhiên, tại khoản 3 và khoản 4 chỉ quy định thành phần đội tuyển gồm huấn luyện viên và vận động viên, không có nhân viên y tế; đồng thời cũng không phân loại các đội tuyển tương tự như khoản 2. Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở của sự khác biệt này hoặc điều chỉnh quy định để bảo đảm tính thống nhất, chặt chẽ của dự thảo.

Thứ hai, thống nhất cách sử dụng thuật ngữ “đội tuyển...” và “thành viên đội tuyển...”, tránh gây cách hiểu không thống nhất trong quá trình áp dụng.

6. Đối với nội dung Điều 4

a) Đối với khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định:

“Điều 4. Tiền lương tập trung tập huấn, thi đấu

2. Thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

a) Thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh không hưởng lương ngân sách nhà nước:

TT	Đối tượng	Định mức chi
1	<i>Huấn luyện viên đội tuyển</i>	360.000 đồng/người/ngày
2	<i>Vận động viên đội tuyển</i>	320.000 đồng/người/ngày
3	<i>Huấn luyện viên đội trẻ</i>	320.000 đồng/người/ngày
4	<i>Vận động viên đội trẻ</i>	260.000 đồng/người/ngày

b) Thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh hưởng lương ngân sách nhà nước: Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả; được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương đang hưởng (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với tiền lương quy định tại điểm a khoản này.

Tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh được triệu tập chia cho 26 ngày.”

Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

Thứ nhất, trường hợp dự thảo xác định thành phần đội tuyển còn có nhân viên y tế thì đề nghị làm rõ chế độ tiền lương đối với đối tượng này, đặc biệt đối với trường hợp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Thứ hai, đề nghị thống nhất cách sử dụng thuật ngữ “đội trẻ” hay “đội tuyển trẻ” trong dự thảo để bảo đảm thống nhất về kỹ thuật trình bày.

Thứ ba, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cách sử dụng từ ngữ. Trường hợp này dự thảo quy định mức chi cụ thể áp dụng đối với từng đối tượng, do đó việc sử dụng cụm từ “định mức chi” là chưa phù hợp. Đề nghị chỉnh sửa thành “mức chi” để thống nhất với nội dung và đúng thuật ngữ pháp lý.

b) Tương tự, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát điều chỉnh khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết.

7. Đối với nội dung Điều 5

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày theo ý kiến của Sở Tư pháp tại điểm a khoản 6 Mục III Báo cáo này.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh dấu hai chấm thành dấu chấm khi trình bày Điều 5, cụ thể “Điều 5:” thành “Điều 5.”

c) Điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung bởi khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 68. Viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc viện dẫn văn bản được thực hiện như sau:

b) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.

Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.”

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ ngày tháng năm và cơ quan ban hành tại khoản 4 Điều 5 dự thảo Nghị quyết.

d) Đối với khoản 4 Điều 5 dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu phẩy phía sau khoản 8.

8. Đối với nội dung tại Điều 6

a) Khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định:

“Điều 6. Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho vận động viên đạt thành tích xuất sắc

2. Hỗ trợ hàng tháng đối với Huấn luyện viên, vận động viên được Cục Thể dục thể thao Việt Nam tập trung vào đội tuyển quốc gia hoặc đội tuyển trẻ quốc gia.

Ngoài chế độ đối vận động viên, huấn luyện viên tập huấn tại các đội tuyển quốc gia theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành, vận động viên, huấn luyện viên được hỗ trợ hàng ngày như sau:

a) Tập huấn đội tuyển Quốc gia: 7.000.000 đồng/tháng.

b) Tập huấn đội tuyển trẻ Quốc gia: 4.000.000 đồng/tháng.

Thời gian hưởng chế độ được thực hiện theo thời gian tập trung trong Quyết định tập trung vận động viên vào các đội tuyển Quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia của Cục Thể dục thể thao Việt Nam.”

Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

Thứ nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, làm rõ quy định tại khoản 2 Điều 6 để bảo đảm tính minh bạch và khả thi trong quá trình thực hiện. Theo quy định này, huấn luyện viên, vận động viên được Cục Thể dục thể thao Việt Nam triệu tập vào đội tuyển quốc gia hoặc đội tuyển trẻ quốc gia được hỗ trợ hàng tháng từ ngân sách địa phương. Tuy nhiên, theo Điều 4 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP, các đối tượng này đã được hưởng chế độ trong thời gian tập trung theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ khoản hỗ trợ quy định tại khoản này là chế độ hỗ trợ thêm từ ngân sách địa phương đã bao gồm cả các chế độ khác đã được hưởng theo quy định của Trung ương hay còn cách hiểu khác, nhằm tránh cách hiểu về việc chi trả trùng lặp.

Thứ hai, đề nghị làm rõ đối tượng áp dụng của khoản hỗ trợ này, bao gồm cả trường hợp huấn luyện viên, vận động viên đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước và trường hợp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Trường hợp áp dụng đối với người đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì cần làm rõ nguyên tắc chi trả để tránh phát sinh vướng mắc hoặc chồng chéo với các chế độ hiện hành.

b) Đối với khoản 3, khoản 4, khoản 5

Thứ nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu hai chấm phía sau tên khoản 3, khoản 4, khoản 5 nhằm thống nhất cách trình bày toàn văn bản.

Thứ hai, đề nghị cơ quan soạn thảo tách các khoản này thành Điều riêng để bảo đảm phù hợp với kết cấu của dự thảo, vì các nội dung về chế độ thực phẩm chức năng, chế độ bảo hiểm và hỗ trợ học nghề không phải là chế độ đãi ngộ đặc thù theo Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

9. Đối với nội dung tại Điều 7

a) Sở Tư pháp nhận thấy nội dung khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị quyết đã được quy định tại Điều 8 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo không quy định lại nội dung đã được văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên quy định, bảo đảm đúng thẩm quyền và tránh trùng lặp.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 7. Dự thảo chỉ quy định chế độ đối với vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh và đội tuyển thể thao cấp xã, trong khi không quy định đối với các đội tuyển khác. Đề nghị làm rõ căn cứ của việc giới hạn đối tượng thụ hưởng hoặc rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.

10. Đối với nội dung tại Điều 8

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ ngày tháng năm và cơ quan ban hành khi viện dẫn Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

11. Đối với nội dung tại Điều 9

a) Khoản 1

Thứ nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “phường, đặc khu”, chỉ sử dụng thuật ngữ “cấp xã” để bảo đảm thống nhất với cách giải thích từ ngữ của dự thảo.

Thứ hai, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ quy định tại số thứ tự 6 Bảng quy định tại điểm a khoản 1. Theo đó, dự thảo chỉ quy định chế độ đối với người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ trong các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao. Đề nghị làm rõ việc giới hạn đối tượng như trên có đồng nghĩa với việc người tham gia các nội dung tương tự tại các giải thi đấu, hội thi hoặc sự kiện thể thao khác không có được hưởng chế độ tại nội dung này; trường hợp có thì cần nêu rõ căn cứ, trường hợp không thì đề nghị rà soát, điều chỉnh quy định cho phù hợp.

b) Khoản 2

Thứ nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày “điểm a, b c khoản 2, điều 2” thành “điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 2”.

Thứ hai, hiện nay, nội dung quy định của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang cụ thể hóa tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo viện dẫn Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND thay cho Thông tư số 40/2017/TT-BTC để bảo đảm phù hợp với quy định đang áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba, nội dung Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang cụ thể hóa tại Nghị quyết số 228/2019/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2019 quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Kiên Giang và chế độ tiếp khách trong nước. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo viện dẫn khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 228/2019/NQ-HĐND thay cho Điều 11

Thông tư số 71/2018/TT-BTC để bảo đảm phù hợp với quy định đang áp dụng trên địa bàn tỉnh².

12. Đối với nội dung tại Điều 10

Đề xuất cơ quan soạn thảo không quy định khoản 2, do căn cứ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP; khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể mức chi. Vì vậy việc cơ quan soạn thảo quy định mức khung (mức tối đa) trong Nghị quyết này là chưa phù hợp.

13. Đối với nội dung tại Điều 12

Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày lại khoản 2 Điều 12 theo hướng liệt kê các nghị quyết được thay thế thành các điểm a, b, c,... để thuận tiện cho việc viện dẫn, áp dụng Nghị quyết, gợi ý điều chỉnh:

“2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a)...

b)...

14. Đề nghị cơ quan soạn thảo lấy ý kiến Sở Tài chính về nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và tính khả thi khi triển khai thực hiện.

IV. DỰ THẢO TỜ TRÌNH

1. Căn cứ Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

Thứ nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu gạch phía dưới tên dự thảo Tờ trình.

Thứ hai, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu chấm phía sau dòng Kính gửi.

2. Đối với nội dung tại khoản 3 Mục IV dự thảo Tờ trình, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉ quy định những nội dung cơ bản, không cần liệt kê cụ thể từng nội dung để bảo đảm tính khái quát của văn bản.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày các nội dung giải trình, làm rõ quy định của dự thảo trong Bản so sánh, thuyết minh; Tờ trình chỉ cần nêu những nội dung cơ bản.

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung so sánh kinh phí thực hiện của Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND; Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 12/2009/NQ-HĐND với mức kinh phí dự kiến khi triển khai thực hiện chính sách mới được nêu trong dự thảo Tờ trình nhằm làm rõ mức tăng, giảm và nguyên nhân của sự thay đổi.

² Nghị quyết số 228/2019/NQ-HĐND đang trong quá trình xây dựng văn bản thay thế của địa phương được xử lý sau sắp xếp đơn vị hành chính. Do đó, cần cập nhật kịp thời để bảo đảm tính chính xác và thống nhất của dự thảo.

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo lấy ý kiến của Sở Tài chính để xác định áp dụng điểm nào tại khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật chuyên ngành về tài chính; sau đó, rà soát, điều chỉnh nội dung dự thảo Tờ trình cho phù hợp.

V. BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Nội dung thuyết minh, đề nghị thuyết minh cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn để dự thảo nội dung Nghị quyết.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh nội dung dự thảo văn bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết.

VI. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết số 246/NQ-TT ban hành danh mục Nghị quyết quy định chi tiết Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 117/2025/TT-BTC, Thông tư số 86/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Sở Văn hóa và Thể thao lấy ý kiến góp ý của sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã; đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Sau khi lấy ý kiến, Sở Văn hóa và Thể thao tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo văn bản gửi Sở Tư pháp để thẩm định đúng theo quy định đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

VI. KẾT LUẬN

Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Hội đồng nhân dân trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo Nghị quyết theo các ý kiến tại Mục III, IV, V của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Văn hóa và Thể thao;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, vkloan.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lư Thị Trang Đài